

An Châu, ngày 29 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai chế độ ăn trưa, chi phí học tập và miễn giảm học phí đã được phê duyệt học kỳ 1 Năm học 2025 -2026

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Công văn số 38/VH-GD ngày 02/10/2025 của Phòng văn hóa xã hội - GD Diễn Châu về việc thẩm định chế độ miễn giảm học phí, chi phí học tập, trẻ khuyết tật, trẻ ăn trưa, một số chính sách phát triển giáo dục ngoài công lập học kỳ I năm học 2025-2026.

Căn cứ tờ trình số 107/TTr – MNĐT ngày 08/10/2025 của trường Mầm non Diễn Trung về việc đề nghị thẩm định phê duyệt kinh phí thực hiện chế độ miễn, giảm cấp bù học phí; Hỗ trợ chi phí học tập; Chế độ trẻ ăn trưa học kỳ 1 năm học 2025-2026

Căn cứ QĐ số 674/QĐ-UBND xã An Châu ngày 28/10/2025 về việc phê duyệt đối tượng hộ trợ chi phí học tập; chế độ trẻ ăn trưa học kỳ 1 năm học 2025-2026.

Xét đề nghị của kế toán Trường Mầm non Diễn Trung.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai chế độ ăn trưa, chi phí học tập và miễn giảm học phí được phê duyệt học kỳ 1 năm học 2025-2026 của Trường Mầm Non Diễn Trung.

(Có biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Thời gian từ ngày 29 tháng 10 năm 2025 đến ngày 13 tháng 11 năm 2025

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Kế toán đơn vị và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:;

- Lưu :VT, KT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Thái Thị Lý

DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĂN TRƯA
Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2025

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ ăn trưa	Số tháng	Tổng số tiền	Ghi chú (lớp)	Ghi chú
1	Lê Thị Phương Thảo	23/07/2021	160	4	640	MG Nhỡ B	Cận nghèo
2	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/05/2021	160	4	640	MG Nhỡ A	Nghèo
3	Vòng Quang Trung	16/07/2021	160	4	640	MG Nhỡ C	Cận nghèo
4	Nguyễn Thị Quỳnh Như	31/10/2021	160	4	640	MG Nhỡ C	Cận nghèo
5	Nguyễn Thế Sang	25/08/2021	160	4	640	MG Nhỡ E	Cận nghèo
6	Cao Thị Tường Vy	07/12/2021	160	4	640	MG Nhỡ E	Mồ côi
7	Nguyễn Thế Bảo	23/11/2020	160	4	640	MG Lớn B	Cận nghèo
8	Nguyễn Thị Khánh Chi	13/5/2020	160	4	640	MG Lớn B	Cận nghèo
9	Lê Thị Huyền Nhi	15/03/2020	160	4	640	MG Lớn D	Khuyết tật
10	Cao Thị Cẩm Tú	17/5/2020	160	4	640	MG Lớn D	Cận nghèo
11	Hồ Thị Thanh Thảo	16/08/2020	160	4	640	MG Lớn E	Cận nghèo
12	Nguyễn Thị Nga	04/07/2020	160	4	640	MG Lớn E	Cận nghèo
13	Nguyễn Hồng Thắm	01/10/2020	160	4	640	MG Lớn E	Cận nghèo
14	Cao Thị Huyền Trâm	30/12/2021	160	4	640	MG Nhỡ C	Cận nghèo
15	Hồ Ánh Sao	27/10/2020	160	4	640	MG Lớn B	Khuyết tật
16	Phạm Phúc Nguyên	07/01/2020	160	4	640	MG Lớn G	Cận nghèo
17	Cao Thị Ngọc Diễm	27/02/2022	160	4	640	MG Bé C	Cận nghèo
18	Nguyễn Thị Bảo Trâm	04/10/2022	160	4	640	MG Bé B	Cận nghèo
19	Cao Duy Bảo	23/03/2022	160	4	640	MG Bé B	Cận nghèo
	Tổng cộng		3.040		12.160		

HIỆU TRƯỞNG



Thái Thị Lý

Danh sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025 ND- CP
Học kỳ I năm học 2025-2026

TT	Họ và tên	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập ND 81/2020			Số tháng được hưởng	Nhu cầu kinh phí hỗ trợ chi phí học tập từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2022(Mức hỗ trợ 150.000đ/tháng)	Tổng cộng	Lớp	Ghi chú
		Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông bị khuyết tật	Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo					
1	2	8	9	10	12	12	14	15	
1	Lê Thị Huyền Nhi		x		4	150	600	MG Lớn D	Khuyết tật
2	Hồ Ánh Sao		x		4	150	600	MG Lớn B	Khuyết tật
3	Cao Thị Tường Vy	x			4	150	600	MG Nhỡ E	Mồ côi
4	Nguyễn Thị Kim Ngân			x	4	150	600	MG Nhỡ A	Nghèo
	Tổng cộng	1	2	3	16	150	2.400		

HIỆU TRƯỞNG



Thái Thị Lý